TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 746/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Lê Văn Khanh;
2/ Ông Phạm Văn Thạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương - Là thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 803/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Ánh L, sinh ngày: 02/12/1974 (CCCD số: 046174007308). Thường trú: Thôn Liễu Cốc H, phường Kim T, thành phố Huế. Tạm trú: XXXX Mã L, phường Bình Trị Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Quách Thanh P, sinh năm: 1979. Thường trú: Ấp Ch, xã Đại Â 2, huyện Long P1, tỉnh Sóc Trăng (trước sáp nhập). Tạm trú: 452/39 Tỉnh lộ A, phường Bình Trị Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Cao Ánh L trình bày: Bà và ông Quách Thanh P có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau. Đến năm 2006 cả hai tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Â 2, huyện Long P1, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 4x, quyển số xx/TP2006 ngày 06/03/2006. Bà và ông Quách Thanh P chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông P không chung thuỷ, không có trách nhiệm với vợ con, từ đó dẫn

đến mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Bà và ông Quách Thanh P đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông Quách Thanh P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống Bà L và ông Quách Thanh P có 01 con chung tên Quách Thị Thục Tr, sinh ngày 09/04/2002. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Quách Thanh P: Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Quách Thanh P tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng ông đã vắng mặt không có lý do, cũng không gửi ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Cao Ánh L.

Tại phiên tòa: Bà Cao Ánh L có đơn xin vắng mặt; ông Quách Thanh P vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa sơ thẩm; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt không có lý do trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Ánh L và ông Quách Thanh P chung sống có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của Bà L và Ông P là hợp pháp. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cho thấy: sau một thời gian chung sống đến năm 2008 vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng tuy nhiên Ông P không có trình bày ý kiến cũng như không đưa ra được phương thức nào để hàn gắn gia đình để đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Cao Ánh L với ông Quách Thanh P.

+ Về con chung và cấp dưỡng cho con: Ông bà có 01 con chung là Quách Thị Thục Tr, sinh ngày 09/4/2002, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung, nghĩa vụ dân sự khác: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Cao Ánh L và ông Quách Thanh P có đăng ký kết hôn. Tại thời điểm bà Cao Ánh L yêu cầu ly hôn, ông Quách Thanh P có nơi cư trú tại phường Bình Trị Đông, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Quách Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Nguyên đơn bà Cao Ánh L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 4x, quyển số xx/TP2006 ngày 06/03/2006 ngày 06/03/2006 do Ủy ban nhân dân xã Đại Â 2, huyện Long P1, tỉnh Sóc Trăng cấp và lời khai của nguyên đơn có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Cao Ánh L và ông Quách Thanh P là hợp pháp.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Ánh L và ông Quách Thanh P tự nguyện tiến tới hôn nhân. Theo trình bày của Bà L thì bà và Ông P chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông P không chung thuỷ, không có trách nhiệm với vợ con, bà và Ông P đã không chung sống từ năm 2008 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau.

Qua xác minh thì ông Quách Thanh P hiện vẫn đang cư trú tại địa chỉ do Bà L cung cấp. Tòa án triệu tập hợp lệ Ông P đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng ông vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc cũng như xét xử vụ án, cũng không gửi đến Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của Bà L. Cho thấy, mâu thuẫn giữa Ông P và Bà L là trầm trọng, Ông P không còn quan tâm đến Bà L cũng như không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của ông bà.

Theo quy định về tình nghĩa vợ chồng tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì "Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp … do yêu cầu của nghề nghiệp … và lý do chính đáng khác" và "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Nhưng theo lời khai của Bà L và kết quả xác minh thì hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau. Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng Ông P không có mặt. Cho thấy, Ông P không còn quan tâm đến Bà L, hôn nhân của ông bà đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là "Khi vợ hoặc chồng yêu

cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Ánh L đối với ông Quách Thanh P.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Cao Ánh L và ông Quách Thanh P có 01 con chung là Quách Thị Thục Tr, sinh ngày 09/4/2002 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Cao Ánh L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Cao Ánh L phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Ánh L về việc xin ly hôn với ông Quách Thanh P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Ánh L được ly hôn với ông Quách Thanh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 4x, quyển số xx/TP2006 ngày 06/03/2006 ngày 06/03/2006 do Ủy ban nhân dân xã Đại Â 2, huyện Long P1, tỉnh Sóc Trăng cấp không còn giá trị.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Cao Ánh L và ông Quách Thanh P có 01 con chung tên Quách Thị Thục Tr, sinh ngày 09/04/2002. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

1.3. Về tài sản chung: Bà Cao Ánh L và ông Quách Thanh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

1.4. Về nợ chung: Bà Cao Ánh L xác định không có, nên không xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Cao Ánh L phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà Bà L đã nộp theo biên lai thu số 0033244 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Cao Ánh L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 9 - TPHCM;
- THA DS TPHCM;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hạnh